



CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN CẨM SƠN

Số: 02/2025/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 12 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội;
Căn cứ Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn;
Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 12/9/2025 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty CP thủy điện Cẩm Sơn.

Công ty cổ phần thủy điện Cẩm Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 với các nội dung chính như sau:

1. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty:

Năm tài chính 2024, Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bộ trưởng Bộ Tài chính và một số Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") ban hành đợt 01, đợt 02, đợt 03, đợt 04 và đợt 05.

Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

2. Các nội dung chính của Báo cáo tài chính năm 2024:

Năm 2024, Công ty đã mời Công ty TNHH hãng kiểm toán ACCA Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. Kiểm toán viên đã có ý kiến tại văn bản số 2611.42/2024/BCKT/CS-ACCA ngày 20/6/2025 đánh giá gửi tới Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty với nội dung chính như sau:

Ý kiến của Kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần thủy điện Cẩm Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

(Kiểm toán viên Nguyễn Quang Thùy - giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 5019-2024-349-1 và Chủ tịch HĐQT Đình Nho Liêm - giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 4777-2024-349-1 đã ký ngày 27/3/2024)

Các chỉ tiêu chủ yếu về Tài sản và Nguồn vốn, Kết quả Hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Tình hình vốn góp chủ sở hữu năm 2024 của Công ty:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01a-DNN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	688.757.106	1.134.061.342
II. Đầu tư tài chính	120	6	33.228.024.591	28.728.024.591
1. Chứng khoán kinh doanh	121		24.591	24.591
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		9.768.000.000	5.468.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		23.460.000.000	23.260.000.000
III. Các khoản phải thu	130		1.933.482.598	1.833.739.036
1. Phải thu của khách hàng	131	7	1.659.129.857	1.711.388.973
2. Trả trước cho người bán	132	8	81.380.880	-
3. Phải thu khác	134	9	192.971.861	122.350.063
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản cố định	150	10	1.587.683.627	1.993.791.060
1. Nguyên giá	151		33.472.611.505	33.472.611.505
2. Giá trị hao mòn lũy kế	152		(31.884.927.878)	(31.478.820.445)
VI. Bất động sản đầu tư	160		-	-
VII. Xây dựng cơ bản dở dang	170		-	-
VIII. Tài sản khác	180		397.203.312	375.781.164
1. Tài sản khác	182	11	397.203.312	375.781.164
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	200		37.835.151.234	34.065.397.193
I. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.380.328.629	9.396.314.561
1. Phải trả người bán	311	12	539.202.866	98.791.629
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.682.320.776	791.498.917
3. Phải trả người lao động	314		22.700.000	67.064.000
4. Phải trả khác	315	14	1.459.804.987	2.117.660.015
5. Vay và nợ thuê tài chính	316	15	5.655.000.000	6.300.000.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		21.300.000	21.300.000
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	28.454.822.605	24.669.082.632
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.323.990.000	26.153.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	(3.537.500.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	(10.551.365.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		10.130.832.605	12.604.797.632
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500		37.835.151.234	34.065.397.193

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 02-DNN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	13.831.571.725	10.325.424.324
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		13.831.571.725	10.325.424.324
4. Giá vốn hàng bán	11	18	5.879.525.583	5.828.624.308
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.952.046.142	4.496.800.016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	311.607.595	199.616.100
7. Chi phí tài chính	22	20	198.084.479	189.537.379
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		198.084.479	189.537.379
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	21	1.822.503.527	1.949.903.189
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		6.243.065.731	2.556.975.548
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	22	31.942.612	57.600.000
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(31.942.612)	(57.600.000)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.211.123.119	2.499.375.548
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	23	1.248.613.146	511.395.110
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		4.962.509.973	1.987.980.438

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DNN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.211.123.119	2.499.375.548
4. Điều chỉnh cho các khoản	02		292.584.317	595.644.812
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	03		406.107.433	406.107.433
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		(311.607.595)	-
- Chi phí lãi vay	07		198.084.479	189.537.379
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	09		(348.922.816)	(529.663.294)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	10		93.083.177	(144.004.911)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	12		269.268.910	484.469.252
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13		(21.422.148)	(346.172.820)
- Tiền lãi vay đã trả	15		(179.097.645)	(1.013.543)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16		(510.755.110)	(522.941.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.154.784.620	2.565.357.066
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		(10.400.000.000)	(5.690.000.000)
2. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		(200.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		6.100.000.000	5.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		118.780.856	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.381.219.144)	(190.000.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.150.000.000	810.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính	34		(1.795.000.000)	(1.636.689.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		(1.573.869.712)	(1.268.725.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.218.869.712)	(2.095.414.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(445.304.236)	279.943.066
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.134.061.342	854.118.276
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	688.757.106	1.134.061.342

BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU
Tại ngày 31/12/2024

STT	Cổ đông	Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2024	
		Giá trị (đồng)	Số lượng CP
I	Cổ phiếu đang lưu hành	18 323 990 000	1 832 399
1	Cổ đông pháp nhân	16 633 400 000	1 663 340
2	Cổ đông thể nhân	1 690 590 000	169 059
	Cộng	18 323 990 000	1 832 399

Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024./.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP

- * Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Ban Kiểm soát (đề b/c);
 - Ban GD (đề t/h);
 - Lưu VT.

Giám đốc

Nguyễn Thị Tuyền